

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35 /2023/DS-PT

Ngày: 10/ 5 /2023

V/v “*tranh chấp thừa kế T sản
và quyền được nhận tiền đền bù
hỗ trợ thu hồi đất*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Hà

Các Thẩm phán:

Ông Lê Ngọc Minh

Bà Đậu Thị Quy

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Quang, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Công, Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 116/2022/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2022 về việc “*Tranh chấp thừa kế T sản và quyền được nhận tiền bồi thường hỗ trợ thu hồi đất*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2022/DSST ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2023/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị M, sinh năm 1950; Trú tại: khu phố Định T, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Phi C, sinh năm 1954; Trú tại: 36 Trần P, phường 2, thành phố H, tỉnh Phú Yên (Theo giấy ủy quyền lập ngày 06/5/2022 được chứng thực của Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P). Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Phan M1, sinh năm 1973; Trú tại: khu phố Định T, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

3.1. Ông Phan T, sinh năm 1954; Trú tại: Buôn H, xã Ia H, huyện K, tỉnh Gia Lai.

3.2. Bà Phạm Thị B, sinh năm 1955; Trú tại: khu phố Định T1, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên.

3.3. Bà Phan Thị C1, sinh năm 1966; Trú tại: khu phố Phước T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Bà B, bà C1 ủy quyền cho ông Nguyễn Phi C. Ông T, bà B, bà C1 cùng có mặt.

4. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

4.1. Ông Phan H, sinh năm 1949; Trú tại: khu phố Định T1, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

4.2. Ông Phan H, sinh năm 1970; Trú tại: 33/92 Phan Đăng L, khu phố Ninh T4, phường 9, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

4.3. Bà Phạm Thị M2, sinh năm 1970; Trú tại: khu phố Định T, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên. Ủy quyền cho ông Phan M1 theo GUQ ký ngày 20/4/2023. Vắng mặt.

4.4. Trung tâm phát triển quỹ đất huyện P, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

5. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Phan Thị M.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị M, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: ông Phan T, bà Phạm Thị B, bà Phan Thị C1 thống nhất trình bày:

Vợ chồng cụ Phan T1 (chết 1990), Nguyễn Thị Ng (chết 2020) sinh được 09 người con, chết 02 người (Phan Thị M4 tên khác là M5, Phan Ch, không có vợ, chồng, con), còn lại 07 người gồm: Phan T, Phạm Thị B, Phan Thị C1, Phan H, Phan H, Phan Thị M, Phan M1.

Về nguồn gốc đất tranh chấp: Nguyên trước đây, cha Phan T2 gốc ở La Hai, huyện Đ, tỉnh Phú Yên, ông đi lính thời kỳ chống Pháp đến Phú Yên thì gặp mẹ Nguyễn Thị Ng, hai người kết thành vợ chồng sinh sống tại huyện P, tỉnh Phú Yên, được ông cố ngoại của chúng tôi chỉ đất cho cha mẹ chúng tôi cất nhà và từ đấy cha mẹ tôi coi nói ra thêm để có chỗ ở. Cha Phan T1 chết năm 1990 không để lại di chúc, đương nhiên mẹ Nguyễn Thị Ng là người thừa kế diện tích đất này. Thực hiện nghĩa vụ đăng ký kê khai đất đai theo Nghị định 64/CP, mẹ Nguyễn Thị Ng đăng ký, kê khai trong hồ sơ địa chính và được Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất 185m² thửa số 184 tờ bản đồ 371-B tại khu phố Định T, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên. Năm 2016, mẹ Nguyễn Thị Ng tặng cho toàn bộ diện tích đất ở này cho

ông Phan M1, việc tặng cho quyền sử dụng đất này đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P xác nhận, chỉnh lý đăng ký biến động. Mẹ Nguyễn Thị Ng chết ngày 23/4/2020 không để lại di chúc. Hiện nay, toàn bộ diện tích đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện P thu hồi thực hiện dự án mở rộng Quốc lộ 25 đoạn qua thị trấn P, huyện P, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện P đã bồi thường số tiền 1.303.140.000 đồng cho ông Phan M1.

Do đó, các đương sự nêu trên đều thống nhất yêu cầu Tòa xác định diện tích đất 185m² thửa số 184 tờ bản đồ 371-B có giới cận: Tây giáp đất nhà ông Nguyễn Ch, Nam giáp nhà đất ông Nguyễn G, bà Nguyễn Thị K (nay là Nguyễn Văn L), Đông giáp nhà ông Nguyễn L1, Bắc giáp Quốc lộ 25, tại khu phố Định T, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên là di sản của cha Phan T1, mẹ Nguyễn Thị Ng để lại do cha mẹ được thừa hưởng của ông cố ngoại chỉ đất cho cất nhà ở và coi nói thêm, cha mẹ chết không để lại di chúc, yêu cầu chia di sản thừa kế là số tiền bồi thường đất cho 07 kỷ phần, mỗi người được nhận 186.163.000đ.

Bị đơn Phan M1 trình bày: diện tích đất (được bồi thường số tiền như trên) có nguồn gốc của ông cố ngoại chỉ cho cha mẹ cất nhà ở trong khuôn viên đất của họ tộc. Trong quá trình sử dụng đất, năm 1990 cha chết, mẹ là người sử dụng đất và đăng ký kê khai được UBND huyện P cấp GCNQSDĐ ngày 13/4/2016 nên đây là T sản riêng của mẹ Nguyễn Thị Ng. Ngày 28/9/2016 mẹ đã tặng cho vợ chồng ông (vợ Phạm Thị M2) hợp pháp, khi nhà nước thu hồi chi trả tiền bồi thường, vợ chồng ông đã nhận đủ, dùng số tiền này để mua lại đất nền và xây dựng nhà hết số tiền bồi thường, do đó, không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế số tiền đền bù của bên nguyên đơn. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Phạm Thị M2 thống nhất theo trình bày của ông M1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan H trình bày: đất tranh chấp do bà ngoại thứ chỉ cho mẹ ông Nguyễn Thị Ng khi lấy chồng, cha ông Phan T1 từ La Hai vào không có đất, nên đất là T sản riêng của mẹ. Ông không ý kiến gì về việc mẹ kê khai được nhà nước cấp GCNQSDĐ, các anh chị em không biết mẹ tặng cho đất cho ông M1 khi nào nhưng ông không nhận thừa kế mà cho lại các anh chị em.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan H từ chối việc tham gia tố tụng và từ chối nhận di sản nếu được chia.

Trung tâm phát triển quỹ đất huyện P trình bày tại Văn bản số 180/PTQĐ ngày 09/9/2022:

Thửa đất số 184 thuộc tờ bản đồ số 371-B có diện tích 185m² là loại đất ở đô thị, tọa lạc tại khu phố Định T, thị trấn P, huyện P đã được UBND huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Ng. Ngày 26/10/2016, bà Nguyễn Thị Ng thực hiện quyền tặng cho thửa đất nói trên cho

vợ chồng ông Phan M1, bà Phạm Thị M2. Ngày 15/12/2017, UBND huyện P tiếp tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI056697 cho bà Nguyễn Thị Ng tại thửa số 35 tờ bản đồ số 32 với diện tích 31m² đất trồng cây hằng năm khác. Ngày 12/3/2018, bà Nguyễn Thị Ng tiếp tục thực hiện quyền tặng cho thửa đất trên cho vợ chồng ông Phan M1 bà Phạm Thị M2.

Ngày 29/5/2020, UBND huyện P ban hành Thông báo thu hồi đất số 307/TB-UBND để thực hiện dự án: Cải tạo, nâng cấp các đoạn xung yếu trên QL25 đoạn qua thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên đối với hộ ông Phan M1. Theo biên bản ghi ngày 01/9/2020 về kiểm kê đất đai, T sản gắn liền với đất trong khu vực thu hồi đất để thực hiện dự án. Hộ ông Phan M1 bị ảnh hưởng diện tích phải thu hồi là 122,2m². Trong đó: 68,4m² đất ở đô thị và 53,8m² đất trồng cây hằng năm khác. Diện tích đất còn lại ngoài dự án là 116,6m² đất ở đô thị. Trên cơ sở công văn số 535/UBND ngày 02/10/2020 và Công văn số 08 ngày 07/01/2021 của UBND thị trấn P về việc xác nhận nguồn gốc sử dụng đất, thời điểm sử dụng đất, T sản, tình trạng tranh chấp và sự phù hợp QHSD đất: Ông Phan M1 đang sử dụng đất tại thửa số 184 và 35; diện tích bị ảnh hưởng, giải tỏa 122,2m² loại đất thu hồi 68,4m² đất ở đô thị và 53,8m² đất liền kề đất ở. Trung tâm phát triển quỹ đất lập và trình phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đúng quy định pháp luật hiện hành. Việc chi trả tiền bồi thường về đất khi UBND huyện P thu hồi diện tích 185m² đất ở đô thị thửa số 184 tại khu phố Định T, thị trấn P, huyện P để thực hiện dự án: Cải tạo, nâng cấp các đoạn xung yếu trên QL25 đoạn qua thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên cho ông Phan M1 là có cơ sở. Việc chia di sản thừa kế khoản tiền bồi thường đề nghị Tòa án nhân dân huyện P thực hiện theo quy định pháp luật. Trung tâm phát triển quỹ đất huyện P đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2022/DSST ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 26, 147, 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 6 Điều 166, Điều 167, Điều 168 và khoản 3 Điều 188 Luật Đất đai năm 2013; Các Điều 457, 459, 502, 503 và Điều 623 Bộ luật Dân sự.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị M và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Phạm Thị B, Phan Thị C1 và Phan T khởi kiện ông Phan M1 về việc yêu cầu Tòa án xác định diện tích đất 185m² thửa số 184 tờ bản đồ 371-B tại khu phố Định T, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên là di sản của cha Phan T1 mẹ Nguyễn Thị Ng và yêu cầu chia số tiền 1.303.140.000 đồng cho 07 kỷ phần, mỗi kỷ phần

186.163.000 đồng mà Trung tâm phát triển quỹ đất huyện P chi trả cho vợ chồng ông Phan M1 bà Phạm Thị M2 vì không có căn cứ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23/9/2022, nguyên đơn bà Phan Thị M nộp đơn kháng cáo đề ngày 19/9/2022 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, ngày 06/01/2023, có đơn bổ sung đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Phi Công đại diện theo ủy quyền của bà M, bà Chiêu, bà B và các đương sự có tên trên cùng ông Phan T, Phan H thống nhất yêu cầu Tòa án xem xét lại thủ tục cấp GCNQSDĐ cho bà Nguyễn Thị Ng, thủ tục tặng cho QSDĐ giữa bà Ng và vợ chồng ông Phan M1 là không đúng, thủ tục đền bù giải tỏa đất, T sản trên đất không đúng đối với phần diện tích ngoài dự án, phá bỏ nhà ở là di sản của cha mẹ đền bù cho ông M1 không đúng quy định của pháp luật, yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Vợ chồng ông Phan M1, bà Phạm Thị M2 vắng mặt không trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 của BLTTDS, hủy bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Phan Thị M kháng cáo trong thời hạn, nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là kháng cáo hợp lệ được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa, bị đơn ông Phan M1 đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị M2 không kháng cáo, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện P, ông Phan Hòa có yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 296 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử.

[2] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà Phan Thị M do ông Nguyễn Phi Công đại diện trình bày, với sự thống nhất ý kiến của các đương sự có mặt tại phiên tòa. Xét thấy:

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: theo đơn khởi kiện ngày 05/5/2022, các đương sự yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất diện tích 185m² thuộc thửa số 184, tờ bản đồ 371-B tọa lạc tại khu phố Định T, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên và ngôi nhà cấp 4 trên đất, cấp sơ thẩm thụ lý vụ án “tranh chấp di sản

thừa kế” là đúng nội dung khởi kiện của đương sự. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự được biết T sản nêu trên đã bị Nhà nước thu hồi toàn bộ và chi trả tiền đền bù cho ông Phan M1 nên yêu cầu chia tiền bồi thường, đồng thời đến ngày 08/8/2022, các đương sự có đơn chốt lại yêu cầu là chỉ yêu cầu giải quyết chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất tại thửa 184 với 07 kỷ phần, mỗi kỷ phần là 186.288.572đ (giá trị bồi thường đất), cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “tranh chấp thừa kế và quyền được nhận tiền đền bù hỗ trợ thu hồi đất” là đúng.

[4] Về di sản: phía nguyên đơn cho rằng di sản của ông Phan T1, bà Nguyễn Thị Ng gồm diện tích đất 185m² loại đất ở thuộc thửa số 184, tờ bản đồ 371-B, diện tích đất vườn liền kề đất ở 53,8m² thuộc thửa số 35, tờ bản đồ số 32 đều tọa lạc tại khu phố Định T, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên và 01 ngôi nhà cấp 4 trên thửa đất 184. Phía bị đơn cho rằng các thửa đất số 184, thửa 35 là T sản riêng của mẹ Nguyễn Thị Ng. Xét về nguồn gốc đất tranh chấp: Các đương sự đều công nhận ông cố ngoại chỉ đất cho cha mẹ là ông Phan T1, bà Nguyễn Thị Ng cất nhà để ở từ trước năm 1975 cho đến năm 1990 ông T1 chết không để lại di chúc, bà Ng là người trực tiếp quản lý nhà đất và thực hiện đăng ký, kê khai đất đai trong hồ sơ địa chính theo Nghị định 64/CP. Năm 2016, bà Ng mới thực hiện thủ tục đăng ký, kê khai để được Ủy ban nhân dân huyện P cấp GCNQSDĐ số CA981845 ngày 13/4/2016 đối với diện tích đất 185m² thuộc thửa số 184, tờ bản đồ 371-B, đến ngày 15/12/2017, tiếp tục cấp GCNQSDĐ số CI056697 diện tích đất 31m² tại thửa số 35, tờ bản đồ số 32. Như vậy, ông Phan T1 cùng bà Nguyễn Thị Ng là người sử dụng đất ổn định tại các thửa đất nêu trên từ trước năm 1975 cho đến năm 1990 ông T1 chết, thửa 184 là loại đất ở không thuộc diện cân đối cho hộ gia đình theo Nghị định 64/CP, trên đất có T sản chung của vợ chồng là căn nhà cấp 4, nên cần xác định các T sản nêu trên là di sản của ông T1 và bà Ng.

[5] Cấp sơ thẩm đã thu thập hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho bà Nguyễn Thị Ng, hồ sơ tặng cho QSDĐ giữa bà Ng với vợ chồng ông Phan M1, bà Phạm Thị M2, hồ sơ thu hồi đất, đền bù đối với các T sản tranh chấp. Tuy nhiên, theo nội dung và phán quyết của bản án sơ thẩm, lẽ ra, cần nêu đầy đủ di sản, yêu cầu ban đầu, yêu cầu chốt lại của đương sự và đình chỉ đối với nội dung đương sự không yêu cầu (theo đơn chốt lại ngày 08/8/2022), nhưng bản án chỉ tập trung xem xét đối với thửa đất số 184, dẫn đến đương sự kháng cáo cho rằng bà Nguyễn Thị Ng bị bệnh nằm một chỗ, không còn minh mẫn khi đăng ký cấp GCNQSDĐ cũng như khi tặng cho T sản, đồng thời chưa làm rõ các khoản bồi thường thu hồi đất đối với phần diện tích ngoài dự án 116,6m² nên họ yêu cầu xem xét về thủ tục cấp GCNQSDĐ, thủ tục tặng cho T sản, thủ tục thu hồi, bồi thường đất, T sản trên đất, yêu cầu chia thừa kế giá trị đất nằm trong mốc giới GPMB, yêu cầu UBND huyện P trả lại tiền bồi thường nhà bị phá và đất không nằm trong mốc giới GPMB 116,6m², là những nội dung mới phát sinh tại cấp phúc thẩm chưa được

xem xét trong bản án sơ thẩm. Do đó, để đảm bảo việc giải quyết vụ án toàn diện, HĐXX chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Phan Thị M và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, căn cứ khoản 3 Điều 308 BLTTDS, hủy bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: nguyên đơn bà Phan Thị M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuyên xử: Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 32/2022/DSST ngày 14/9/2022 của TAND huyện P, giao hồ sơ cho TAND huyện P thụ lý giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Được giải quyết khi cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án. Về án phí phúc thẩm, nguyên đơn không phải chịu án phí phúc thẩm nên được hoàn lại 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0007446 ngày 10/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- TAND huyện P (2);
- Chi cục THADS huyện P;
- P.KTNV;
- Các đương sự;
- Lưu AV, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Hà